

Bản án số: 190/2025/HC-PT
Ngày 09/10/2025
V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thành Quang

Các Thẩm phán: Nguyễn Tiến Dũng;

Nguyễn Trọng Đoàn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Nhạn - Thư ký viên.

- **Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09/10/2025, tại điểm cầu trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội và điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai, trực tuyến xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 32/2025/TLPT-HC ngày 24/7/2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2025/HC-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3904/2025/QĐ-PT ngày 25/9/2025, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Ông Vũ Văn C, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn A, xã H, tỉnh Tuyên Quang (trước là: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang). SĐT: 0974.472.xxx; có mặt.

+ **Người đại diện theo uỷ quyền:** Anh Nguyễn Ngọc Q; địa chỉ: Khu T, phường K, tỉnh Bắc Ninh (trước là: Khu T, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh); có mặt.

+ **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:** Luật sư Vũ Thúy H, Công ty Luật TNHH T, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang – trước đây là Ủy ban nhân dân huyện B (UBND huyện B, tỉnh Hà Giang đã kết thúc hoạt động kể từ ngày 01/7/2025; cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của UBND huyện B, tỉnh Hà Giang là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang); vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà La Thị S; địa chỉ: Thôn A, xã H, tỉnh Tuyên Quang (trước là: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/02/2025 và Biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2025 người khởi kiện là ông Vũ Văn C trình bày:

Ngày 04/3/2024 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B ban hành Quyết định số 626/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (Gọi tắt là Quyết định số 626) của gia đình ông đối với hai thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CC 2619xx, thửa đất số 549, tờ bản đồ số 6, diện tích 266m² (trong đó đất ở nông thôn 100m², đất trồng cây hàng năm khác 166m²) và GCNQSDĐ số CC 2619xx, thửa đất số 550, tờ bản đồ số 6, diện tích 255m² (trong đó đất ở nông thôn 100m², đất trồng cây hàng năm khác 166m²) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang cấp cùng ngày 18/10/2017. Hai thửa đất nói trên và tài sản trên đất của gia đình ông đã bị UBND huyện B cưỡng chế thu hồi toàn bộ, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Việc UBND huyện thu hồi đất theo Quyết định số 626 để làm đường cao tốc gia đình ông hoàn toàn nhất trí. Đồng thời ông xác nhận về diện tích đất và tất cả tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu có trên đất bị thu hồi của gia đình đã được UBND huyện B thông báo thu hồi, kiểm đếm đầy đủ và nhất trí với giá bồi thường về cây trồng trên đất, các khoản tiền hỗ trợ khác ông không có ý kiến gì.

Tuy nhiên, theo Quyết định số 627/QĐ-UBND, ngày 04/3/2014 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất (bổ sung lần 5) để thực hiện dự án "Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn I), đoạn qua tỉnh Hà Giang, địa phận thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang" (Gọi tắt là Quyết định số 627) thì đơn giá bồi thường trong phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất là quá thấp so với giá trị trên thực tế gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của gia đình ông. Để đảm bảo quyền lợi của mình ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết và cam đoan không đồng thời khiếu nại yêu cầu UBND huyện B và người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại tiếp theo. Nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể là:

(1) Yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 627; điều chỉnh đơn giá bồi thường đất theo hướng tăng giá bồi thường đối với đất ở và đất trồng cây hàng năm để gia đình ông có đủ điều kiện mua một thửa đất khác ổn định cuộc sống, mức tăng bồi thường đề nghị là 10.000.000đ/m². Vì lý do khu đất tái định cư của nhà ông ở trong góc núi, gần tả ly, sát bãi mìn và gần đường điện 110kv. Vị trí đó không đúng với vị trí đất thu hồi của ông và không phù hợp nhu cầu sử dụng đất của gia đình ông;

(2) Yêu cầu UBND huyện B phải xem xét tăng mức bồi thường đối với công trình xây dựng nhà ở vì mức bồi thường theo đơn giá là quá thấp, vị trí đất của gia đình ông bị thu hồi thuộc đô thị loại V, nhưng bồi thường theo mức giá vị trí 2 loại 2 là không đúng, ông yêu cầu được bồi thường đối với công trình xây dựng nhà ở cùng loại là 8.000.000đ/m² xây dựng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà La Thị S nhất trí với yêu cầu

khởi kiện và toàn bộ ý kiến đã trình bày của chồng bà là ông Vũ Văn C, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo văn bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai và tại phiên đối thoại đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện là UBND huyện B: Dự án Đường cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang là dự án trọng điểm Quốc gia, của ngành giao thông vận tải và của tỉnh Hà Giang, có ý nghĩa quan trọng trong kết nối nội vùng và liên vùng, được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 22/3/2022; UBND tỉnh Hà Giang đã ban hành Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 20/4/2022 về kế hoạch triển khai thực hiện Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang.

Căn cứ quy định của Luật Đất đai và các Nghị định, văn bản quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các văn bản có liên quan đến dự án, UBND huyện B đã chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư (HĐBT-HTTĐC) huyện B, UBND xã H và các cơ quan liên quan thực hiện công tác bồi thường từ tháng 12/2022. Dự án đi qua thị trấn T, các xã V, H, Q, V1 và T1. Đến thời điểm hiện nay đã hoàn thành được 4/6 xã, thị trấn (T, V, V1, Q). Số hộ đã thực hiện bàn giao mặt bằng là 754/763 hộ (đạt 98,8%) hiện tại còn vướng mắc 09 hộ chưa nhất trí, không nhận bồi thường (xã Q 05 hộ; xã H 04 hộ), trong đó có hộ gia đình ông Vũ Văn C, bà La Thị S, tại thôn A, xã H.

Đối với việc thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ về đất, tài sản gắn liền với đất đối với hộ ông Vũ Văn C: Căn cứ các Thông báo về việc thu hồi đất của UBND huyện B, HĐBT-HTTĐC đã phối hợp với các ban, ngành, UBND xã H và chủ đầu tư thực hiện các bước thu hồi đất theo trình tự, thủ tục, niêm yết và lập biên bản theo quy định. Sau khi thực hiện xong các bước để trình UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt. Tại Quyết định số 626 đã thu hồi của hộ ông Vũ Văn C tổng diện tích là 517,9m² gồm đất ở nông thôn 200m², đất trồng cây hàng năm khác 317,9m² (tại thửa số 222, 223; tờ bản đồ số 103 tỷ lệ 1:1000 xã H, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh duyệt ngày 07/6/2023). Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 1.345.327.960 đồng, được UBND huyện phê duyệt tại các quyết định: Quyết định số 627 tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 1.314.688.043 đồng (gồm: bồi thường đất 252.719.350 đồng; bồi thường cây hoa màu 8.621.400 đồng; bồi thường tài sản, vật kiến trúc 948.917.993 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề 52.453.500 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống 32.940.000 đồng; hỗ trợ thuê nhà 6.000.000 đồng; hỗ trợ tháo dỡ nhà 12.000.000 đồng; hỗ trợ bàn giao mặt bằng 1.035.800 đồng); Quyết định số 10423/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 gồm giá trị bồi thường tài sản vật kiến trúc khác (bổ sung) là 29.590.793 đồng; Quyết định số 10274/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 bồi thường đất (Điều chỉnh loại đất từ cây lâu năm sang đất cây hàng năm khác) là 1.049.070 đồng.

Đối với việc giao đất tái định cư: Hộ gia đình ông Vũ Văn C bị thu hồi toàn bộ đất ở và đất trồng cây lâu năm, đã được cấp GCNQSDĐ nên thuộc diện được giao đất tái định cư, UBND huyện B đã xác định vị trí đất tại khu vực tái định cư theo đề nghị của ông C, theo đăng ký thì hộ ông C được giao 2 thửa đất là ô số 11 và ô số 12 nhưng hộ gia đình ông C, bà S không nhất trí nhận đất tái định cư vì

nhiều lý do.

HĐBT-HTTĐC huyện B đã phối hợp với các ban, ngành, UBND xã H và Chủ đầu tư thực hiện các bước thu hồi đất và thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất theo đúng trình tự thủ tục, niêm yết và lập biên bản bảo đảm đúng quy định, cụ thể như: Triển khai công tác bồi thường - giải phóng mặt bằng (GPMB); Công khai niêm yết thông báo thu hồi đất (*phát từng hộ gia đình*), kiểm kê, kiểm đếm chi tiết tại thực địa; Kết thúc sau khi kiểm kê, kiểm đếm; Tính toán, áp giá lập phương án dự thảo và công khai cho người dân; Kết thúc niêm yết công khai; Trình thẩm định ra Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt; Công khai và niêm yết Quyết định cho người dân; Chi trả tiền cho các hộ, gia đình cá nhân có đất bị thu hồi.

Quá trình thực hiện việc thu hồi, GPMB ông Vũ Văn C đã nhiều lần có đơn khiếu nại cho rằng HĐBT-HTTĐC thực hiện kiểm kê đối với các hạng mục công trình, tài sản trên đất còn thiếu, chưa đúng, chưa đầy đủ. UBND huyện B đã ban hành văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra, xác minh các nội dung đề nghị của ông C. HĐBT-HTTĐC đã có báo cáo, trả lời tại Công văn số 128/CV-HĐBT ngày 14/8/2024, ông C đã nhất trí đối với việc kiểm kê, kiểm đếm tài sản và các hạng mục bồi thường nhưng không nhất trí giá bồi thường về đất và không nhất trí nhận đất tái định cư.

Mặc dù hộ gia đình ông Vũ Văn C đã được tuyên truyền, phổ biến pháp luật, phân tích, giải thích các quy định pháp luật liên quan và được vận động, thuyết phục nhiều lần nhưng gia đình ông C vẫn không đồng ý nhận tiền bồi thường và không bàn giao mặt bằng. Để đảm bảo tiến độ thực hiện quyết định thu hồi đất của UBND huyện B, UBND xã H, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã H, HĐBT-HTTĐC huyện B và các ngành liên quan đã tiếp tục tổ chức vận động, thuyết phục gia đình. Do hộ ông C không chấp hành nên ngày 29/10/2024 UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 13031/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông C theo quy định của pháp luật. Ngày 14/11/2024 UBND huyện B đã tiến hành cưỡng chế thu hồi đất để bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư theo đúng kế hoạch.

Sau khi thực hiện cưỡng chế thu hồi đất bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án, UBND huyện B, UBND xã H tiếp tục tuyên truyền, vận động, giải thích nhiều lần nhưng hộ gia đình ông C vẫn không đồng ý nhận tiền bồi thường. Do đó, ngày 21/10/2024 HĐBT-HTTĐC huyện B đã gửi tiền bồi thường, hỗ trợ đợt 1 của hộ gia đình ông Vũ Văn C (*số tiền 1.314.688.043 đồng*) vào tài khoản tiền gửi tại ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện B (*theo Ủy nhiệm chi ngày 21/10/2024*). Số tiền bồi thường tài sản vật kiến trúc khác (*bổ sung*) là 29.590.793 đồng; và tiền bồi thường đất (*Điều chỉnh loại đất từ cây lâu năm sang đất cây hàng năm khác*) là 1.049.070 đồng, UBND huyện B sẽ tiếp tục gửi vào tài khoản tiền gửi cho ông C theo quy định.

Như vậy, việc thu hồi đất và thực hiện các chế độ, chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và việc thực hiện cưỡng chế đối với hộ gia đình ông Vũ Văn C đã được UBND huyện B tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Do đó UBND huyện B không nhất trí đối với các yêu cầu

khởi kiện của hộ ông Vũ Văn C (vợ là bà La Thị S), đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án huỷ một phần Quyết định số 627, buộc UBND huyện B phải bổ sung tăng giá bồi thường về đất (đất ở và đất trồng cây hàng năm); tăng bồi thường giá trị tài sản là công trình nhà xây trên đất. Người khởi kiện cho rằng UBND huyện B đã sử dụng Chứng thư định giá đất làm cơ sở để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường cho ông C là không đúng quy định của pháp luật, áp dụng phương pháp định giá sai, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông C. Đồng thời, người khởi kiện bổ sung yêu cầu về việc huỷ Quyết định số 13031/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của chủ tịch UBND huyện B v/v cưỡng chế thu hồi đất vì trình tự, thủ tục cưỡng chế thu hồi đất của UBND huyện B đối với gia đình ông C là không đúng quy định của pháp luật, thực hiện cưỡng chế thu hồi đất khi gia đình ông C không có mặt.

Người bị kiện giữ nguyên quan điểm không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn C (vợ là bà La Thị S) và trình bày: Tất cả chế độ, chính sách đối với hộ ông Vũ Văn C và các hộ gia đình khác có đất bị thu hồi đã được UBND huyện B tính toán, áp dụng có căn cứ pháp luật và thực hiện đúng theo quy định hiện hành về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Mức giá bồi thường, hỗ trợ được áp dụng phù hợp với từng loại đất, khu vực, vị trí đất, tài sản trên đất, đã được tính toán đúng, đủ để chi trả cho các cá nhân, hộ gia đình có đất bị thu hồi; Giao đất tái định cư đúng đối tượng, hộ gia đình ông C được giao 02 thửa đất tái định cư (ô số 11 và ô số 12 tại khu đất tái định cư của huyện) nhưng gia đình cho rằng không phù hợp nên không nhận đất tái định cư, gia đình ông C yêu cầu lấy đất tái định cư ở vị trí khác nhưng không đồng ý nộp tiền sử dụng đất. Hiện nay con trai ông Vũ Văn C là anh Vũ Văn C1 đã có đơn đề nghị được nhận ô đất số 11 và UBND huyện B đã giao đất tái định cư tại vị trí ô số 11 cho anh C1. Các hộ có đất bị thu hồi đều đồng tình ủng hộ việc thu hồi đất để thực hiện dự án và nhất trí với phương án bồi thường của UBND huyện B, các hộ đã nhận tiền bồi thường bàn giao đất thực hiện dự án và nhận đất tái định cư để ổn định cuộc sống. Chỉ còn duy nhất 4 hộ, trong đó có hộ gia đình ông Vũ Văn C (vợ là bà La Thị S) không nhất trí nhận tiền bồi thường, không nhận đất tái định cư.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2025/HC-ST ngày 28/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang) đã quyết định: Căn cứ Điều 3, Điều 5, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 62, Điều 66, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 79, Điều 80, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86, Điều 89, Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 112, khoản 1 Điều 143 Luật Đất đai năm 2013; Điều 87 Luật Đất đai năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn C (vợ là bà La Thị S) về việc yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của UBND huyện B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án "Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn I), đoạn qua tỉnh Hà Giang, thuộc địa phận các thôn D, B và A, xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang".

2. Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Vũ Văn C.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/5/2025, người khởi kiện là ông Vũ Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Phương thức xây dựng đơn giá của chứng thư thẩm định giá không đúng dẫn đến việc xác định giá đền bù không đúng; đề nghị phải căn cứ vào tập quán về xác định giá đất và giá đất tại địa phương để xây dựng đơn giá đền bù, bảo đảm cho người khởi kiện có thể tìm nơi ở mới. Phía người khởi kiện đề nghị huỷ phần quyết định bồi thường và tính lại mức bồi thường cho gia đình ông C.

Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào kết quả tranh tụng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Vũ Văn C có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các điều 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt người bị kiện; tuy nhiên, phiên tòa đã được triệu tập nhiều lần, đương sự vắng mặt không kháng cáo, đã được thông báo mở phiên tòa hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Về đối tượng khởi kiện, theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2024 và trình bày của người khởi kiện là ông Vũ Văn C thì ông C khởi kiện đề nghị Tòa án huỷ một phần Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 của UBND huyện B, buộc UBND huyện B phải bổ sung tăng giá bồi thường về đất (đất ở và đất trồng cây hàng năm); tăng bồi thường giá trị tài sản là công trình nhà xây trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 627/QĐ-UBND nêu trên là đối tượng khởi kiện, yêu cầu khởi kiện bảo đảm về thời hiệu và đã thụ lý giải quyết; đồng thời xem xét các quyết định, hành vi hành chính liên quan là đúng thẩm quyền, phù hợp với các quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 và Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về yêu cầu bổ sung của người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 13031/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND huyện B về việc cưỡng chế thu hồi đất, trong suốt quá trình giải quyết vụ án của TAND tỉnh Hà Giang, các buổi làm việc lấy lời khai ông C, bà S, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại ngày 14/5/2025, người khởi kiện đều không đưa ra yêu cầu này. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc bổ sung yêu cầu này tại phiên tòa là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu của người khởi kiện và đã căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 173 Luật TTHC không chấp nhận là phù hợp.

[5] Xét kháng cáo của ông Vũ Văn C, thấy rằng: Quyết định số 627/QĐ-UBND ngày 04/3/2024 được ban hành có căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Điều 9, Điều 10, Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[6] Phương án bồi thường ban hành kèm theo Quyết định số 627/QĐ-UBND của UBND huyện B được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

[7] Theo Quyết định số 627/QĐ-UBND thì hộ ông Vũ Văn C được bồi thường, hỗ trợ số tiền 1.314.688.043 đồng (*gồm: bồi thường đất 252.719.350 đồng; bồi thường cây hoa màu 8.621.400 đồng; bồi thường tài sản, vật kiến trúc 948.917.993 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề 52.453.500 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống 32.940.000 đồng; hỗ trợ thuê nhà 6.000.000 đồng; hỗ trợ tháo dỡ nhà 12.000.000 đồng; hỗ trợ bàn giao mặt bằng 1.035.800 đồng*); Quyết định số 10423/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 gồm giá trị bồi thường tài sản vật kiến trúc khác (*bổ sung*) là 29.590.793 đồng; Quyết định số 10274/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 bồi thường đất (*Điều chỉnh loại đất từ cây lâu năm sang đất cây hàng năm khác*) là 1.049.070 đồng. Như vậy tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông C là: 1.345.327.906đ (*Một tỷ ba trăm bốn mươi lăm triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, chín trăm linh sáu đồng*).

[8] Về căn cứ xác định loại đất: Nguồn gốc đất thu hồi của hộ ông C đã được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD đất, trong đó ghi rõ diện tích và mục đích sử dụng đất, bao gồm đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, quá trình kiểm đếm thu hồi đất xác định đất thu hồi của gia đình ông C có tổng diện tích là 517,9m² (gồm đất ở nông thôn 200m², đất trồng cây hàng năm khác (*điều chỉnh từ đất trồng cây lâu năm sang đất trồng cây hàng năm khác*) là 317,9m² tại thửa số 222, 223; tờ bản đồ số 103 tỷ lệ 1:1000 xã H, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang duyệt ngày 07/6/2023. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 131, khoản 1 Điều 143 Luật Đất đai năm 2013 xác định diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông C là 517,9m² (*gồm đất ở nông thôn 200m², đất trồng cây hàng năm khác là 317,9m²*) là có căn cứ.

[9] Về xác định vị trí đất: Vị trí đất thu hồi của gia đình ông C tiếp giáp với đường bê tông liên thôn, không bám chợ Hùng An không có cạnh thửa nào giáp

chợ hoặc đổi diện với chợ. Đối chiếu vị trí đất thu hồi với vị trí, khu vực quy định tại Phụ lục 08 kèm theo Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành bảng giá đất chi tiết trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2020-2024 thì vị trí đất bị thu hồi của gia đình ông C được xác định thuộc khu vực 2, vị trí 2 là phù hợp.

[10] Về việc ông C không đồng ý với UBND huyện B xác định đất nhà ông là đất ở nông thôn vì cho rằng thôn A, xã H đã có quyết định công nhận là khu đô thị loại 5, thấy rằng theo Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh Hà Giang (QĐ 2110) thì xã H được công nhận là đô thị loại 5 (việc UBND tỉnh Hà Giang ban hành quyết định công nhận xã H là đô thị loại 5 là căn cứ vào Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị). Tuy nhiên, Quyết định 2110 không phải là căn cứ để phân loại đất, cũng như xác định khu vực, vị trí đất để áp dụng bồi thường khi thu hồi đất; do đó UBND huyện B xác định đất của hộ ông Vũ Văn C là đất ở nông thôn là phù hợp với vị trí đất mà hộ gia đình ông được cấp.

[11] Về phương pháp xác định đơn giá bồi thường về đất: Quá trình xây dựng phương án bồi thường về đất UBND huyện B đã áp dụng đúng nguyên tắc xác định giá đất quy định tại khoản 1 Điều 112 Luật Đất đai năm 2013; theo đó, đối với đất ở tại nông thôn đã áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp và phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại khoản 1, 5 Điều 4 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Điều 3, Điều 7 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Đối với nhóm đất nông nghiệp, cũng đã áp dụng phương pháp thu thập và phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 4 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP và Điều 5, Điều 7 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT nêu trên. Trên cơ sở đó, ngày 25/9/2023, UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 6053/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; địa điểm xã H, huyện B, tỉnh Hà Giang; trong đó, hộ gia đình ông C được bồi thường với số tiền 252.719.350 đồng là phù hợp với thực tế và đảm bảo đúng quy định.

[12] Đối với đơn giá bồi thường về công trình, vật kiến trúc là nhà ở trên đất thu hồi: Trên cơ sở Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Hà Giang ban hành mức bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất và di chuyển mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Hà Giang ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Hướng dẫn số 08/HD-SNN ngày 30/11/2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 06/4/2024 của UBND huyện B ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất của 17 hộ gia đình trên tuyến tại các xã Q, H, T và khu tái định cư xã T thuộc dự án: Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang, UBND huyện B đã ban hành Quyết định 627/QĐ-UBND về việc phê duyệt đơn giá bồi thường; trong đó, hộ gia đình ông C được bồi thường tài sản vật kiến trúc số tiền

là 948.917.993 đồng; bồi thường cây hoa màu 8.621.400 đồng; hỗ trợ chuyển đổi nghề 52.453.500 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống 32.940.000 đồng; hỗ trợ thuê nhà 6.000.000 đồng; hỗ trợ tháo dỡ nhà 12.000.000 đồng; hỗ trợ bàn giao mặt bằng 1.035.800 đồng; bồi thường, hỗ trợ bổ sung về tài sản vật kiến trúc khác theo Quyết định số 10423/QĐ-UBND ngày 12/9/2024 là 29.590.793 đồng. Tổng cộng gia đình ông C được bồi thường về tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu có trên đất, hỗ trợ chuyển đổi nghề, hỗ trợ ổn định đời sống, hỗ trợ thuê nhà, hỗ trợ tháo dỡ nhà, hỗ trợ bàn giao mặt bằng, với số tiền 1.091.559.486 đồng là phù hợp với thực tế và đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 83, Điều 84, Điều 89, Điều 90, Điều 91 Luật Đất đai năm 2013.

[13] Về yêu cầu liên quan đến vị trí và giá đất tại khu tái định cư, xét thấy: Hộ gia đình ông Vũ Văn C thuộc trường hợp được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại Điều 21 của Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND, ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh Hà Giang. Ngày 08/01/2024 ông C có đơn đăng ký nhu cầu tái định cư, diện tích đề nghị được giao là 400m² tại ô thửa số 11, 12 khu đất tái định cư. UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về Phê duyệt phương án giao đất tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất cho 37 trường hợp. Khu tái định cư được đầu tư xây dựng hạ tầng đồng bộ về giao thông, cấp thoát nước và hệ thống điện. Vì vậy, giá đất cụ thể là giá đất khi đã xây dựng và hoàn thành về hạ tầng; giá đất cụ thể để giao đất được phân chia thành 06 nhóm chi tiết, cao nhất là 3.690.000đ/m², thấp nhất là 1.089.000đ/m². Thửa đất tái định cư được giao cho ông C xác định có vị trí tương đương với khu vực 2, vị trí 2 trong Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh Hà Giang, bao gồm các thửa đất thuộc nhóm 4, nhóm 5 và nhóm 6. Hộ ông Vũ Văn C được giao đất tái định cư 200m² tại ô số 11 và giao đất có thu tiền sử dụng đất 200m² tại ô số 12, địa chỉ thửa đất tại thôn A, xã H, huyện B. Tuy nhiên hộ gia đình ông C không nhận đất tái định cư và cho rằng vị trí thửa đất không phù hợp với thửa đất gia đình ông bị thu hồi, gần tả ly, gần khu vực bãi đá nổ mìn, không có điện nước. Ông C yêu cầu được cấp đất tái định cư ở vị trí khác nhưng không đồng ý nộp tiền sử dụng đất hoặc phải bồi thường đất cho ông theo giá chuyển nhượng tại địa phương để ông đi tìm chỗ ở khác.

[14] Quá trình giải quyết vụ án ngày 08/4/2025 và ngày 18/4/2025, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh đối với Trưởng thôn A và một số cá nhân, hộ gia đình cùng có đất (loại đất, khu vực, vị trí đất), tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu bị thu hồi và đã được đền bù có vị trí tương đồng, giáp ranh, liền kề với gia đình ông C. Theo các Biên bản xác minh, ý kiến của các hộ dân đều đồng tình, nhất trí với chủ trương của Nhà nước về việc thu hồi đất để thực hiện dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang; mức bồi thường về đất, hoa màu, tài sản, vật kiến trúc trên đất là khách quan và tương đối phù hợp nên các cá nhân, hộ gia đình đều đồng lòng ủng hộ và đã nhận tiền bồi thường, bàn giao đất theo đúng tiến độ, nhận đất tái định cư để xây dựng nhà ở ổn định cuộc sống, sinh hoạt; khu đất tái định cư có vị trí thuận lợi, gần đường giao thông, trường học, gần chợ, đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập và làm việc. Trưởng thôn A cũng xác nhận, khu vực đất tái định cư đã được các cơ quan chuyên môn có thẩm quyền thẩm định, đánh giá bảo đảm các điều kiện về an toàn và các điều kiện khác, đáp ứng đầy đủ về điện,

nước, môi trường sinh hoạt cho người dân khi tái định cư, các cá nhân, hộ gia đình được giao đất tái định cư đã xây dựng nhà ở và ổn định cuộc sống (BL 656-671). Hiện nay con trai ông Vũ Văn C là anh Vũ Văn C1 đã có đơn đề nghị được nhận ô đất số 11 và UBND huyện B đã giao đất tái định cư tại vị trí ô số 11 cho anh C1.

[15] Từ những phân tích trên đây, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn C (vợ là bà La Thị S) là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có tình tiết gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội.

[16] Về án phí hành chính phúc thẩm, ông Vũ Văn C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Vũ Văn C; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2025/HC-ST ngày 28/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang).

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Văn C được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, P.HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Chu Thành Quang